

# ĐÓNG GÓP CỦA KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HẢI PHÒNG

**Nguyễn Thái Sơn, Phạm Thị Thu Hương**

Khoa Kế toán – Tài chính

Email: sonnt@dhhp.edu.vn;

huongptt85@dhhp.edu.vn

*Ngày nhận bài: 28/6/2021*

*Ngày PB đánh giá: 28/8/2021*

*Ngày duyệt đăng: 03/9/2021*

**TÓM TẮT:** Kinh tế phi chính thức (KTPCT) ra đời từ rất lâu và trở thành một bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế ở các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Những đóng góp của kinh tế phi chính thức đối với sự phát triển kinh tế của các quốc gia trong đó có cả Việt Nam là một hiện tượng thực tế rất yếu khách quan. Những đóng góp của KTPCT được thể hiện qua những vai trò của nó đối với KT-XH như: Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động; Là vùng đệm an toàn của kinh tế chính thức; Cung ứng hàng hoá, dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong xã hội; Góp phần ổn định xã hội; Góp phần tăng trưởng kinh tế và xoá đói giảm nghèo.

Với những đóng góp quan trọng như vậy, KTPCT trở thành một bộ phận không thể tách rời trong nền kinh tế cùng với kinh tế chính thức. Trong nội dung bài viết này, nhóm tác giả sẽ “nhận diện” khái niệm, đặc điểm, vai trò của KTPCT và những đóng góp của KTPCT đối với sự phát triển kinh tế của thành phố Hải Phòng. Để hoàn thành được nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, phân tích dựa trên 2 nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

**Từ khóa:** kinh tế phi chính thức, đóng góp, phát triển kinh tế.

---

## CONTRIBUTION OF THE INFORMAL ECONOMY TO HAIPHONG ECONOMIC DEVELOPMENT

**ABSTRACT:** The informal economy was born long ago and has become an important part of the economy in countries around the world, especially in developing countries including Vietnam. The contributions of the informal economy to the economic development of countries, including Vietnam, are an inevitable, objective fact. The contributions of the economic sector are shown through its roles to the socio-economy such as: Creating jobs and income for workers; A safe buffer zone of the informal economy; Supply goods and services to meet consumer demand in society; Contribution to social stability; Contribution to economic growth and poverty reduction.

With such important contributions, informal economy becomes an inseparable part of the economy. In the content of this article, the group of authors will identify the concept, characteristics, role of the anti-governmental defense and the contributions of the informal economy to the economic development of HaiPhong city. To complete this study, the authors used statistical methods, comparing, analyzing based on two primary and secondary data sources.

**Key words:** informal economy, contribution, economic development.

---

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở các nước đang phát triển, khu vực kinh tế phi chính thức tồn tại như một tất yếu khách quan bên cạnh khu vực kinh tế chính thức. Khu vực này có vai trò rất quan trọng trong xoá đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm mới, tăng thu nhập cho người dân, góp phần ổn định xã hội và là vùng đệm, hỗ trợ tích cực cho khu vực kinh tế chính thức.

“Kinh tế phi chính thức” được sử dụng để mô tả một khu vực kinh tế truyền thống ở các nước đang phát triển. Kinh tế phi chính thức là khu vực mà ở đó tồn tại việc làm phi chính thức, là một tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho những người có liên quan, đóng góp vào GDP mà khu vực kinh tế chính thức không với tới được.

Về hoạt động SXKD của khu vực KTPCT và VLPCT ở Việt Nam: Khu vực KTPCT cung cấp gần 11 triệu việc làm (bằng gần 1/4 số việc làm chính ở Việt Nam, gần 1/2 số việc làm phi nông nghiệp thuộc khu vực này); khu vực KTPCT đóng góp cho GDP 20%; 82% việc làm ở Việt Nam được coi là VLPCT

Về hoạt động SXKD của khu vực KTPCT và VLPCT ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Khu vực KTPCT là nguồn cung cấp việc làm lớn nhất trong đó ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là thương mại, công nghiệp và xây dựng; đặc trưng chính của khu vực: đa phần là các hộ SXKD nhỏ và tự kinh doanh, hoạt động trong điều kiện tạm bợ, quy mô hoạt động nhỏ, thời gian làm việc nhiều, thu nhập bình quân thấp, và không có BHXH, tập trung chủ yếu là lao động nữ, tỷ lệ lao động nhập cư thấp, thiếu vốn đầu tư và không được tích hợp với các khu vực còn lại của nền kinh tế.

Đến nay, qua nghiên cứu của nhóm tác giả chưa có nghiên cứu nào trước đó đề cập về những đóng góp của KVKTPCT đối với sự phát triển kinh tế ở một thành phố đặc thù như Hải Phòng. Vì thế nghiên cứu của nhóm tác giả đề xuất không những không trùng lặp với nghiên cứu đã được công bố, mà còn tận dụng được những thành quả nghiên cứu của các nhà khoa học trước đó, áp dụng cho thực tiễn tại Hải Phòng.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện theo các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích dựa trên 2 nguồn dữ liệu:

- Dữ liệu thứ cấp: Niên giám thống kê Hải Phòng và các báo cáo thống kê của Cục Thống kê Hải Phòng

- Dữ liệu sơ cấp: Được thu thập dựa trên việc điều tra 830 cơ sở/cá nhân kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức trên địa bàn các quận Hồng Bàng, Hải An, Kiến An, Đồ Sơn và hai huyện An Lão, Vĩnh Bảo; 150 cán bộ, công chức tại các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và hiệp hội; phỏng vấn sâu các chuyên gia quản lý nhà nước và lãnh đạo địa phương.

## 3. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC

### 3.1 Khái niệm

Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, các khái niệm “KVPCT” “khu vực KTPCT”, “VLPCT”, “KTPCT” được hiểu như sau:

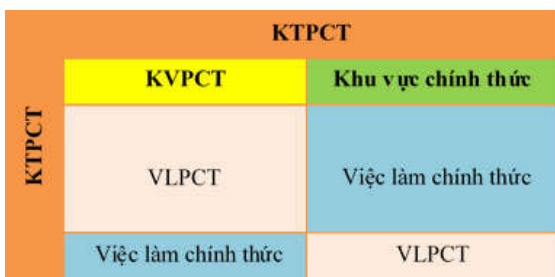
- Khái niệm “KVPCT” nên đồng nhất với khái niệm “khu vực KTPCT”: “KVPCT là tập hợp các cơ sở kinh doanh (phi nông, lâm nghiệp và thủy sản) có quy mô nhỏ, không ĐKKD (do không thuộc đối tượng

pháp luật quy định phải đăng ký), sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho những người có liên quan. Công việc và người lao động trong các cơ sở kinh doanh này không được nhà nước quy định hoặc bảo vệ chính thức”.

- Khái niệm “VLPCT”: “VLPCT là những việc làm không có sự bảo vệ chính thức về mặt pháp lý và xã hội. Những việc làm đó có thể tồn tại ở trong hoặc ngoài KVPCT”.

- Khái niệm “KTPCT”: “KTPCT bao gồm toàn bộ những hoạt động kinh tế của các cơ sở kinh doanh và người lao động không được kiểm soát hoặc kiểm soát không đầy đủ bởi các thoả thuận chính thức”.

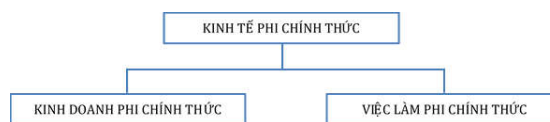
Như vậy, các khái niệm nêu trên có mối quan hệ mật thiết nhưng không đồng nhất với nhau (Hình 1). “KVPCT” nhấn mạnh đến tính PCT trong hoạt động kinh tế của các cơ sở kinh doanh, ở đó tồn tại việc làm có thể là chính thức hoặc PCT. “VLPCT” nhấn mạnh đến tính PCT trong hoạt động của người lao động, họ có thể là lao động làm việc bên trong hoặc ngoài KVPCT. “KTPCT” bao gồm cả KVPCT và VLPCT.



Hình 1: Mối quan hệ giữa KTPCT, KVPCT, VLPCT

Tuy nhiên, xuất phát từ mục đích nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu của đề tài chỉ tập trung vào các cơ sở KDPCT

và việc làm trong các cơ sở đó, nên khái niệm KTPCT được sử dụng trong đề tài được hiểu theo nghĩa hẹp, đồng nhất với khái niệm KVPCT (hay khu vực KTPCT). Do đó, thực chất đề tài nghiên cứu về hoạt động của các cơ sở KDPCT và việc làm tại khu vực này. Có thể khái quát cấu phần khu vực KTPCT được nghiên cứu trong đề tài này như sau:



### 3.2 Đặc trưng, vai trò và cách tiếp cận đo lường khu vực kinh tế phi chính thức

#### 3.2.1. Đặc trưng khu vực kinh tế phi chính thức

Kinh tế phi chính thức không phải là hình thức kinh tế bất hợp pháp.

Các cơ sở KDPCT mang những đặc điểm của hộ SXKD cá thể, không có tư cách pháp nhân.

Có thể xảy ra việc chuyển đổi các cơ sở kinh doanh giữa hai khu vực chính thức và PCT.

Là khu vực sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ thuộc khu vực ngoài quốc doanh mà những hàng hóa và dịch vụ này không bị pháp luật ngăn cấm và tạo ra thu nhập, mang đặc trưng của hộ kinh doanh cá thể.

Các cơ sở KDPCT tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ với mục tiêu cơ bản là tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho những người thực hiện các hoạt động kinh tế đó.

Các cơ sở KDPCT hoạt động mang tính tạm thời cao cả về địa điểm và ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề hoạt động PCT rất đa dạng và rất không đồng nhất, có quy mô sản phẩm nhỏ.

KTPCT là một bộ phận có qui mô lớn trong nền kinh tế của các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) xét cả về phương diện việc làm và khối lượng sản phẩm tạo ra.

Khu vực KTPCT không thực hiện chế độ hạch toán thống kê, chế độ lao động và bảo hiểm chính thức của Nhà nước.

KTPCT chịu nhiều bất lợi hơn so với khu vực kinh tế chính thức.

### ***3.2.2 Vai trò của khu vực kinh tế phi chính thức trong nền kinh tế quốc gia.***

KTPCT đóng vai trò quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

KTPCT là vùng đệm an toàn của kinh tế chính thức.

KTPCT tạo ra những sản phẩm góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong xã hội.

KTPCT có những đóng góp rất lớn đối với việc ổn định xã hội.

KTPCT giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế cũng như trong chiến lược xoá đói giảm nghèo của Việt Nam.

### ***3.2.3 Cách tiếp cận đo lường khu vực kinh tế phi chính thức***

SNA2008 khuyến nghị 3 cách tiếp cận để đo lường hoạt động phi chính thức, bao gồm điều tra hộ gia đình, điều tra cơ sở, điều tra hỗn hợp hộ gia đình - doanh nghiệp. Việc lựa chọn phương pháp nào sẽ phụ thuộc vào thông tin nào thiếu SNA2008 khuyến nghị 3 cách tiếp cận để đo lường hoạt động phi chính thức, bao gồm điều tra hộ gia đình, điều tra cơ sở, điều tra hỗn hợp hộ gia đình - doanh nghiệp. Việc lựa chọn phương pháp nào sẽ phụ thuộc vào thông tin nào thiếu nhau được thực hiện ở những

thời điểm khác nhau chứ không cùng một lúc trong một thiết kế tổng hợp.

- Điều tra hộ gia đình: Cuộc điều tra hộ gia đình có thể cung cấp thông tin về sản xuất của doanh nghiệp gia đình mà không có trong dàn mẫu sử dụng để điều tra cơ sở. Cũng có thể thu thập dữ liệu về việc làm trong khu vực phi chính thức qua điều tra hộ gia đình hay lao động. Mọi người trong hộ gia đình có thể trả lời những câu hỏi với mục đích tìm ra loại thông tin này, không kể đến tình trạng việc làm hay công việc chính và phụ vì ở nhiều quốc gia, hoạt động phi chính thức được thực hiện như công việc phụ. Những câu hỏi đặc biệt có thể được đặt ra để xác định việc làm không công trong doanh nghiệp gia đình nhỏ, hoạt động do phụ nữ và trẻ em làm, hoạt động ngoài nhà, hoạt động không được khai nhận, và kinh doanh phi chính thức như công việc phụ. Thành công của cách tiếp cận này phụ thuộc vào mẫu điều tra, bao gồm khu vực địa lý đại diện, nơi mà hoạt động gia đình diễn ra và những người làm cho khu vực phi chính thức sinh sống.

- Điều tra cơ sở: Trong hầu hết các trường hợp, một cuộc điều tra cơ sở có thể dùng để đo lường hoạt động của doanh nghiệp phi chính thức chỉ khi cuộc điều tra hộ kinh doanh được thực hiện ngay sau một cuộc điều tra dân số kinh tế hoặc cơ sở vì dàn mẫu có thể không bao gồm thông tin, hoặc thông tin không cập nhật về doanh nghiệp gia đình. Kể cả khi một điều tra cơ sở được dùng để đo lường đơn vị sản xuất gia đình, bao gồm cả những đơn vị trong khu vực phi chính thức, cần chú ý rằng đơn vị sản xuất không nằm ở một vị trí cố định hoặc nằm trong cơ sở kinh doanh không thể nhận ra, sẽ bị xoá đi trong danh sách thu

thập. Thêm vào đó, đếm 2 lần cùng một hộ sản xuất có thể xảy ra nếu thu thập cho những loại hình hoạt động kinh tế khác nhau được thực hiện ở những thời điểm khác nhau chứ không cùng một lúc trong một thiết kế tổng hợp.

- Điều tra hỗn hợp hộ gia đình – doanh nghiệp: Điều tra hỗn hợp hộ gia đình – doanh nghiệp được thiết kế những mô-đun doanh nghiệp gắn với lực lượng lao động hiện tại hoặc điều tra hộ gia đình khác. Cuộc điều tra này thu thập thông tin những chủ hộ kinh doanh của các hộ điều tra được chọn mẫu, gồm những chủ hộ kinh doanh phi chính thức (bao gồm những đơn vị hoạt động không có cơ sở cố định như là đơn vị lưu động) và các hoạt động của họ, không kể đến qui mô của doanh nghiệp, loại hình hoạt động và nơi làm việc và công việc là chính hay phụ. Khi lựa chọn điều tra hỗn hợp hộ gia đình - doanh nghiệp để đo lường khu vực phi chính thức, cần chú ý mẫu điều tra có phản ánh đầy đủ phân phối địa lý của các hoạt động kinh tế trong hộ sản xuất hay không.

Cũng cần phải xem xét doanh nghiệp với đơn vị sản xuất đặt ở nhiều địa điểm được xử lý như thế nào và làm thế nào để tránh sự trùng lặp đối với các doanh nghiệp hoạt động dưới quan hệ đối tác nếu cùng một doanh nghiệp được báo cáo bởi các đối tác thuộc các hộ khác nhau.

#### **4. ĐÓNG GÓP CỦA KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ HẢI PHÒNG**

Mặc dù còn có những bất cập và chưa được theo dõi cũng như quản lý chặt chẽ, nhưng KTPCT cũng có những đóng góp nhất định cho sự phát triển và ổn định KT-XH của địa phương. Cho đến nay, chưa

có phương pháp đo lường chính thức cũng như số liệu thống kê tương đối đầy đủ về KTPCT ở Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng. Nhưng qua nghiên cứu của nhóm tác giả, bằng tính toán từ các báo cáo thống kê khác và khảo sát của nhóm tác giả, có thể đánh giá sơ bộ về đóng góp của KTPCT vào sự ổn định, phát triển KT-XH Hải Phòng qua một số nội dung:

- Tạo việc làm và thu nhập.
- Góp phần thoả mãn nhu cầu tiêu dùng.
- Góp phần tăng trưởng kinh tế.
- Tạo sự “dẻo dai” cho nền kinh tế trước những cú sốc bất lợi.
- Đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Tổng dân số của thành phố Hải Phòng hiện tại trên 2,3 triệu người. Theo số liệu thống kê năm 2018, tại Hải Phòng có 146.083 người lao động làm việc trong các cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tỷ lệ thất nghiệp cùng năm của thành phố là 3,53%. Theo Bảng 1 cho thấy, khu vực kinh tế cá thể tạo ra việc làm cho khoảng 13-14% tổng lao động từ 15 tuổi trở lên của thành phố. Số lao động tại khu vực này cũng chiếm khoảng 13-15% tổng số lao động có việc làm ở Hải Phòng. Nếu trên tổng số lao động làm việc ở thành thị thì tỷ lệ này là 30,2 – 34,3%. Có thể nói, các cơ sở SXKD cá thể phi nông nghiệp, trong đó có các cơ sở KDPCT đã tạo ra số việc làm khá lớn ở địa bàn đô thị và tương đối lớn cho lực lượng lao động thành phố. Tạo việc làm và kèm theo đó là thu nhập cho người lao động, các cơ sở KDPCT đã góp phần nâng cao đời sống của người dân, giảm tệ nạn xã hội, góp phần ổn định và giảm bớt gánh nặng cho công tác an sinh xã hội.

**Bảng 1: Việc làm tại các cơ sở SXKD cá thể ở Hải Phòng***Đơn vị tính: nghìn người*

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
1	Dân số Hải Phòng	1.963,30	1.980,80	1.997,73	2.013,78	2.033,20
2	Tổng LĐ toàn thành phố	1.128,09	1.131,58	1.135,04	1.145,26	1155,57
3	Tổng LĐ có việc làm	1.090,40	1.097,92	1.095,26	1.110,25	1.128,80
4	Số LĐ làm việc ở thành thị	456,32	464,84	462,95	483,71	488,06
5	LĐ tại các cơ sở SXKD cá thể	143,03	143,37	158,87	146,08	150,94
6	Tỷ lệ %/Tổng LĐ	12,68	12,67	14,00	12,76	13,06
7	Tỷ lệ%/Tổng LĐ có việc làm	13,12	13,06	14,51	13,16	13,37
8	Tỷ lệ%/Tổng LĐ làm việc ở thành thị	31,34	30,84	34,32	30,20	30,93

*(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Cục Thống kê và Niên giám Thống kê Hải Phòng)*

Để xem xét cụ thể hơn về đóng góp của KTPCT, nhóm nghiên cứu tính toán trên số liệu thống kê Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2017 tại Hải Phòng. Theo đó, năm 2017, trên địa bàn Hải Phòng có 78.616 cơ sở KDPCT. Các cơ sở này đã tạo ra 123.427 việc làm, chiếm 77,69% số lao động trong khu vực kinh tế cá thể, 18,85% số việc làm tại các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp (Bảng 2). Nếu tính trên tổng số lao động ở thành thị, tổng lao động có việc làm và tổng lao động toàn thành phố thì tỷ lệ tương ứng là 26,66%,

11,27% và 10,87%. Như vậy, có thể thấy, mặc dù ở khu vực kinh tế hợp pháp cuối cùng, như các cơ sở KTPCT lại tạo việc làm cho đa số lao động tại các cơ sở SXKD cá thể. Nếu tính đến số lượng việc làm theo hình thức giúp việc gia đình, freelancer hoặc lao động tự do khác (không có số liệu thống kê và không thực hiện khảo sát được trong nghiên cứu này) thì số việc làm tạo ra trong khu vực KTPCT rất đáng được lưu tâm và cần có chính sách để hỗ trợ khu vực kinh tế này.

**Bảng 2: Tạo việc làm và thu nhập của KTPCT năm 2017**

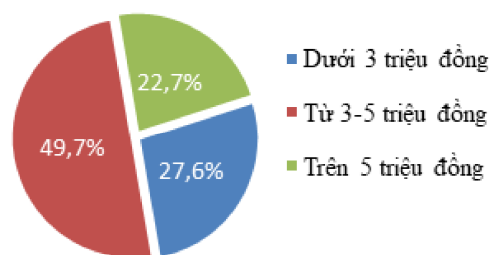
STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Số lượng
1	Tổng số LĐ tại các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp	<i>người</i>	654.892
2	Tổng số cơ sở SXKD cá thể	<i>cơ sở</i>	100.750
3	Số LĐ tại các cơ sở SXKD cá thể	<i>người</i>	158.866
4	Tổng số cơ sở KDPCT	<i>cơ sở</i>	78.616
5	Số LĐ tại cơ sở KDPCT	<i>người</i>	123.427
6	Doanh thu của các cơ sở SXKD cá thể	<i>tỷ đồng</i>	59.842
7	Doanh thu bình quân cơ sở SXKD cá thể	<i>triệu đồng</i>	594
8	Doanh thu bình quân năm/lao động	<i>triệu đồng</i>	377
9	Doanh thu bình quân tháng/lao động	<i>triệu đồng</i>	31,4

*(Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Cục Thống kê Hải Phòng)*

Số liệu của Cục thống kê Hải Phòng năm 2017 cho thấy doanh thu bình quân 1 lao động của các cơ sở kinh doanh cá thể là 376,89 triệu đồng, tương ứng là khoảng 31,4 triệu đồng/tháng. Mức doanh thu này đã bao gồm các khoản như giá vốn hàng bán và các chi phí khác. Với mức doanh thu khoảng trên 1 triệu đồng/ngày, sau khi trừ giá vốn và các chi phí khác, còn lại khoảng 10 – 40% (bao gồm cả công lao động của lao động chính và những người phụ trợ), phần nào có thể giúp trang trải cuộc sống cho gia đình các lao động trong khu vực KTPCT<sup>1</sup>.

Theo kết quả khảo sát năm 2019 của nhóm nghiên cứu, trong thực tế, doanh thu và thu nhập của lao động ở các cơ sở

KDPCT thấp hơn nhiều so với mức bình quân của khu vực kinh tế cá thể. Trong số 830 cơ sở KDPCT được điều tra, phần lớn có doanh thu dưới 15 triệu đồng/tháng, chỉ bằng khoảng 1/3 mức doanh thu bình quân của cơ sở SXKD cá thể. Đồng thời qua khảo sát về mức lương trả cho lao động ở cơ sở KDPCT (Hình 2) cho thấy có 22,7% được trả lương dưới 3 triệu, 49,7% có lương từ 3-5 triệu đồng, tương đương mức lương tối thiểu vùng. Chỉ có 22,7% được trả mức lương trên 5 triệu. Như vậy, trong thực tế, đóng góp của KTPCT cho xã hội qua thu nhập của người lao động còn khá hạn chế. Với tỷ lệ 78% số cơ sở SXKD cá thể thuộc khu vực KTPCT thì đây càng là vấn đề cần quan tâm để nâng cao thu nhập cho lao động trong khu vực này.



Hình 2: Thu nhập cho lao động tại các cơ sở KDPCT

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả năm 2019)

Ở Việt Nam, KTPCT hiện hiện ở mọi địa phương, song chưa có thống kê cụ

thể về những đóng góp của khu vực này. Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ đóng góp của khu vực KTPCT đã được quan sát trong chỉ tiêu GDP cả nước năm 2015 là 14,34%; hoạt động tự sản, tự tiêu hộ gia đình đã được quan sát là 2,09%. Báo cáo kinh tế và tài chính quốc tế cũng cho thấy, Việt Nam có khu vực KTPCT rất lớn, nếu tính được giá trị của toàn bộ khu vực này có thể làm cho GDP tăng lên khoảng 30%.

<sup>1</sup> Theo khảo sát, đơn giá của giúp việc gia đình hiện nay theo là 80-100.000đ/buổi/người, 3-5 triệu đ/tháng/người, phụ hồ, làm việc tự do: 200-250.000đ/ngày/người. Freelancer có trình độ hoặc người dạy ngoại ngữ, âm nhạc, nghệ thuật không đăng ký có thu nhập cao hơn nhiều. Trong khi đó, việc làm phi chính thức không có tay nghề, không có đủ thể lực thường kém hơn, nhiều trường hợp chỉ được 1-2 triệu/tháng.

**Bảng 3: Đóng góp của cơ sở SXKD cá thể trong GRDP Hải Phòng**

Năm	GRDP Hải Phòng	Tổng số cơ sở SXKD cá thể	Giá trị TSCĐ của các cơ sở SXKD cá thể	Doanh thu của các cơ sở SXKD cá thể	
				Giá trị	Tỷ lệ /GRDP
	<i>tỷ đồng</i>	<i>cơ sở</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>%</i>
2010	60.702,20	86.770	-	-	-
2011	93.018,05	85.379	-	30.019,03	32.27
2012	100.571,12	94.636	-	33.508,97	33.32
2013	103.492,40	92.178	7.535,38	36.983,35	35.74
2014	116.975,88	92.760	-	41.217,40	35.24
2015	127.007,40	94.499	6.953,01	46.404,88	36.54
2016	145.160,60	93.758	8.636,28	-	-
2017	165.763,90	100.750	6.000,79	59.842,17	36.10
2018	195.536,20	97.078	7.318,53	-	-
2019	228.151,64	98.337	-	56.405,47	24.72

(Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu của Cục Thống kê Hải Phòng và Niên giám thống kê)

Theo dữ liệu thống kê và tính toán của nhóm nghiên cứu, giai đoạn 2011-2019, các cơ sở SXKD cá thể đóng góp vào GRDP của thành phố từ 25 – 36%. Đây là mức đóng góp khá lớn của một khu vực kinh tế mạnh mún, nhỏ lẻ và rời rạc, có trình độ sản xuất thấp. Mặc dù chưa có dữ liệu thống kê chính thức về doanh thu của các cơ sở KDPCT, nhưng với tỷ lệ chiếm 78% trong tổng số cơ sở SXKD cá thể, khu vực KTPCT đóng góp tỷ lệ không hề nhỏ trong tổng GRDP của Hải Phòng. Nếu tính đến các hoạt động KTPCT chưa thống kê được như giúp việc gia đình, xây dựng, freelancer, dạy học..., đặc biệt là kinh doanh trên mạng xã hội thì mức đóng góp của KTPCT trong GRDP và tăng trưởng kinh tế sẽ khá lớn. Tỷ lệ đóng góp cho GRDP của KTPCT và kinh tế cá thể Hải Phòng về cơ bản không khác nhiều so với kết quả của các nghiên cứu ở Hà Nội hay TP Hồ Chí Minh cũng như mức bình quân cả nước.

Bên cạnh đó, với để có tổng mức doanh thu lên đến hàng chục ngàn tỷ đồng,

các cơ sở SXKD cá thể (trong đó có cơ sở KDPCT) đã cung ứng được một lượng đáng kể hàng hoá, dịch vụ vào các “kẽ” thị trường, nơi mà các doanh nghiệp không với tới được. Các sản phẩm do KTPCT cung ứng góp phần làm đa dạng hoá hàng hoá, dịch vụ trên thị trường, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu dù nhỏ nhất của người tiêu dùng.

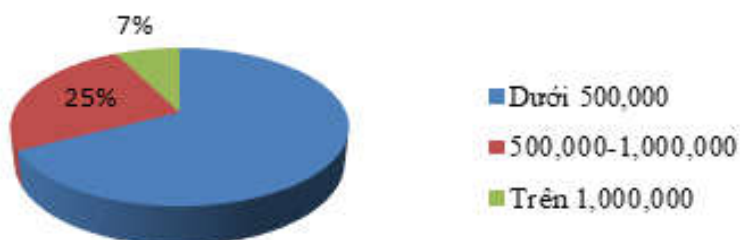
Đóng góp cho NSNN từ KTPCT đang là vấn đề dành được sự quan tâm lớn từ Chính phủ đến các Bộ, Ngành và địa phương. Với việc chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án Thống kê về kinh tế chưa được quan sát và Đề án Chống thất thu thuế cho thấy Chính phủ Việt Nam muốn kiểm soát được thu nhập ở khu vực này và có cơ chế tăng thu ngân sách phù hợp. Thực tế cho thấy, ở Hải Phòng qua khảo sát thì tỷ lệ là 74,3% số cơ sở KDPCT không sẵn sàng nộp thuế, chỉ có 25,7% số cơ sở này trả lời sẵn sàng nộp thuế mà thôi (tỷ lệ này tương tự Hà Nội và TP Hồ Chí Minh). Nhưng khi được khảo sát là

mức thuế mà các đơn vị này sẵn sàng nộp cho ngân sách nhà nước là bao nhiêu thì câu trả lời đều là không biết và nếu không phải nộp thì càng ít càng tốt.

Để khả thi, chính sách thuế phải được hiệu chỉnh cho phù hợp với điều kiện của khu vực KTPCT, đồng thời phải đơn giản và mềm dẻo. Mặc dù không có một nước nào luật thuế dựa trên nguyên tắc tự nguyện, song thể theo mong muốn của các đơn vị KDPCT, các cơ quan thuế có thể linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thứ nhất, rất nhiều cơ sở KDPCT sẵn sàng đóng một loại thuế theo phương thức “đóng định kỳ”. Thứ hai, thời kỳ thích hợp đóng thuế là tháng. Đóng thuế mỗi năm một lần chỉ thích hợp với các loại hình kinh doanh khác, không thích hợp với

khu vực KTPCT. Thứ ba, mức thuế bình quân cần đóng phải phù hợp với thực trạng của KVPCT ở Hải Phòng.

Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu năm 2019 tại các cơ sở KDPCT có thể dễ dàng nhận thấy mức đóng góp của khu vực phi chính thức cho ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng rất hạn chế (Hình 3). Mức đóng góp qua các loại thuế, phí dưới 500.000 đồng chiếm tỷ trọng là 67,4%; tiếp đến là mức từ 500.000 -1.000.000 đồng chiếm tỷ trọng là 25,2%; mức trên 1.000.000 đồng chỉ là 7,4%. Mức đóng góp đối với ngân sách nhà nước rất thấp trong khi Hải Phòng đang là một thành phố có tốc độ đô thị hóa và mức thu nội địa tăng nhanh đặc biệt trong vài năm trở lại đây.



Hình 3: Mức đóng góp của KTPCT cho NSNN tại Hải Phòng

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả năm 2019)

KTPCT có vai trò là vùng đệm an toàn của kinh tế chính thức trước những biến động của thị trường. KTPCT được coi là lựa chọn tốt nhất trong số những cơ hội việc làm sẵn có trên thị trường lao động Việt Nam. Ba lý do chủ yếu để thành lập cơ sở SXKD cá thể hơn là tìm một việc làm có sẵn trên thị trường, bao gồm: (i) Được kinh doanh độc lập; (ii) Dung hòa giữa công việc và gia đình; (iii) Do truyền thống gia đình. Khi gặp khó khăn về kinh doanh

hoặc công việc, hoặc với những cú sốc lớn đối với nền kinh tế như đại dịch Covid-19 hiện tại, KTPCT là nơi các chủ kinh doanh và người lao động lui về hoạt động ở đó để tồn tại. Do vậy, một đóng góp có thể kể đến của KTPCT là tạo sự “đeo dai” cho nền kinh tế trước những cú sốc bất lợi.

Theo đánh giá chung, KTPCT có đóng góp đáng kể trong việc góp phần cung cấp sản phẩm dịch vụ và tạo việc làm nhưng lại rất ít nộp thuế. Đây cũng chính là khoảng

trông mà các nhà quản lý cần có biện pháp tránh thất thu thuế.

## 5. KẾT LUẬN

Tóm lại, sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của Việt Nam trong những năm qua đã ghi nhận sự phát triển đáng kể của hoạt động kinh tế phi chính thức. KVPCT là một bộ phận cấu thành quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong kinh tế và việc làm ở Việt Nam. Lao động của khu vực này có mức thu nhập thấp, tập trung nhiều đối tượng nghèo. Đây là khu vực của những chủ doanh nghiệp nhỏ và bấp bênh, thường làm tại nhà hoặc hè phố. Và điều quan trọng là trong thời gian tới dù kinh tế có phát triển theo hướng nào thì khu vực kinh tế này vẫn song hành tồn tại cùng nền kinh tế chính thức. Chính vì vậy việc từng bước hoàn chỉnh và tăng cường hiệu lực của cơ quan quản lý đồng thời với những biện pháp hữu hiệu và sự đồng bộ của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như bản thân các cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động sẽ tạo khả năng cho sự phát triển phù hợp và đóng góp tích cực của KVKTPCT vào sự phát triển bền vững nền kinh tế nước ta.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blades, D, Ferreira (2011), “The informal economy in developing countries: An introduction”, The review of income and wealth, Blackwell Publishing, Oxford.

2. Clara Osei-Boateng, EA (2011), “*The Informal Sector in Ghana*”

3. Chambwera, M, MacGregor, J & Baker, A, “The Informal Economy”, International Institute for Environment and Development, London”.

4. Chen, MA (2007), “*The Informal Economy: Definitions*”.

5. Chen, M. A. (2007), “*Rethinking the Informal Economy: Linkages with the Formal Economy and the*

*Formal Regulatory Environment*”, DESA Working Paper, 46. Available at: <http://www.un.org/esa/desa/> papers (Accessed: 21 December 2019)

6. Chen, M. A. and Alter, M. (2012), “*The Informal Economy: Definitions, Theories and Policies*”, WIEGO Working Papers. Available at: [www.wiego.org](http://www.wiego.org) (Accessed: 22 December 2019).

7. Cling, Jean-Pierre; Đỗ Hoài Nam và các cộng sự (2013), “*Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*”, NXB Tri thức, Hà Nội.

8. Cling, Jean-Pierre, Đỗ Trọng Khanh (2008), “*Dự án Quy hoạch đoàn kết ưu tiên về khoa học xã hội “Khu vực phi chính thức trong nền kinh tế Việt Nam: Đặc điểm, vai trò và ảnh hưởng đến điều kiện sống của các hộ gia đình”*”, Chuyên san kinh tế phi chính thức, pp. 2-12.

9. Cling, Jean-Pierre, và cộng sự (2002) “*Một số nét đặc trưng của khu vực kinh tế phi chính thức ở TP. Hồ Chí Minh*”, Dự án TCTK-Viện KHTK/IRD-DIAL, November(5).

10. Cục Thống kê Hải Phòng (2018), *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2017*

11. Cục Thống kê Hải Phòng (2019), *Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2019*

12. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng (2019), “*Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*”

13. Cục Thống kê thành phố Hải Phòng (2020), “*Tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng năm 2019*

14. Derek Blades et al (2002), “*Measuring the non-observed economy*”, Statistics Brief, November(5). doi: 10.1787/9789264175358-en.

15. Donald W.Light (2004), “From migrant enclaves to mainstream: Reconceptualizing informal economic behavior”, Theory and Society, 33, pp. 705–737.

16. Dogrul, HG (2012), “*Determinants of formal and informal sector employment in the urban areas of Turkey*”, International journal of social sciences and humanity studies, vol 4, no. 2.

17. Đỗ Thị Thanh Huyền (2018) “*Một số đặc trưng về khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam*”, Tạp chí Công Thương,

18. Đinh Thị Luyện (2018), “*Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị*”, Tạp chí Tài chính
19. Elgin, C & Oyvatt, C (2017), “*Lurking in the Cities: Urbanization and the Informal*”, Istanbul.
20. Mireille Razafindrakoto, François Roubaud, Lê Văn Dục (2008), “*Thống kê khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam - Thực trạng và triển vọng*”, Chuyên san Thống kê khu vực phi chính thức, pp. 13-32.
21. Mireille Razafindrakoto, François Roubaud (2008), “*Đo lường thống kê khu vực phi chính thức ở tiểu khu vực Sahara Châu Phi: Kinh nghiệm từ các cuộc điều tra 1-2-3*”, Chuyên san khu vực phi chính thức, pp. 68-84.
22. Nguyễn Văn Đoàn và Lê Văn Dục 2017, ‘Đo lường khu vực kinh tế chưa quan sát được: Khuyến nghị quốc tế và đề xuất ứng dụng ở Việt Nam’, *Thông tin Khoa học Thống kê*, Số 4, pp. 15-51
23. Phạm Thị Tuệ (2015), “*Nhận diện kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và định hướng phát triển*”, Kỷ yếu Hội thảo KHQT “*Kinh tế phi chính thức: Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với nền các nền kinh tế*”, ĐH Thương mại, NXB Hồng Đức
24. Võ Hồng Đức 2016, ‘*Lượng hóa quy mô kinh tế ngầm và đề xuất giải pháp nhằm giảm quy mô kinh tế ngầm trong nền kinh tế Việt Nam*’, Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh, TP.Hồ Chí Minh
25. Sổ bộ thu phí 2019 của Quận Hồng Bàng – Hải Phòng
26. Số liệu niên giám thống kê của Hải Phòng năm 2018.
27. Tổng cục Thống kê và ILO 2017, *Báo cáo lao động phi chính thức 2016*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
28. Tổng cục Thống kê – Viện Khoa học thống kê/IRD-DIAL 2010, *Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động tới Việt Nam ở mức độ nào? Phân tích trọng tâm về khu vực phi chính thức ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
29. Tổng cục Thống kê – Viện Khoa học thống kê/IRD-DIAL 2010, *Sự năng động của khu vực phi chính thức ở Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2009. Một số phát hiện chính từ điều tra hộ sản xuất kinh doanh và khu vực phi chính thức*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
30. Viện Khoa học thống kê 2010, *Khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: Kết quả điều tra tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
31. Viện Khoa học xã hội Việt Nam 2010, *Khu vực và việc làm phi chính thức: Phương pháp thống kê, tác động kinh tế và Chính sách công*, Tài liệu hội thảo quốc tế, Hà Nội.